

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 119 / CV-TSB

Hải Phòng, ngày 07 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG
- Mã chứng khoán : TSB
- Trụ sở chính : Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, TP. Hải phòng
- Điện thoại : 02253 857 810 ; 0942 248 366
- Fax : 02253 835 876

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần ắc quy Tia Sáng công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Thông tin đã được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 07/4/2022.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố..!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐƯỢC UỶ MÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Đoàn Văn Quang**

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông  
thường niên 2022



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876

Email: [Info@tiasangbattery.com](mailto:Info@tiasangbattery.com)

Website: [www.tiasangbattery.com](http://www.tiasangbattery.com)

# TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG



**TIBACO**

*Tháng 4 năm 2022*





## CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email: Info@tiasangbattery.com

Website: www.tiasangbattery.com

## THÔNG BÁO

### Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần ắc quy Tia Sáng**

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng xin trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty:

1- Thời gian tổ chức: từ 08h30', ngày 29 tháng 04 năm 2022

2- Địa điểm tổ chức : Hội trường Công ty CP Ắc quy Tia Sáng,

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, TP Hải Phòng

**3- Nội dung Đại hội:**

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban TGD;
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021;
- Báo cáo tài chính năm 2021 (đã kiểm toán);
- Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Tờ trình về kế hoạch SXKD và chi trả cổ tức năm 2022;
- Tờ trình tạm ứng cổ tức năm 2022;
- Thông qua các nội dung bổ sung, sửa đổi của Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Và các nội dung khác theo thẩm quyền của Đại hội.

Tài liệu Đại hội được gửi theo Địa chỉ đăng ký của Quý cổ đông trong Danh sách chốt ngày 01/04/2022 của Trung tâm lưu ký chứng khoán – UBCK Nhà nước và đăng tải trên website của Công ty: [www.tiasangbattery.com](http://www.tiasangbattery.com)

**4- Thành phần tham dự Đại hội:**

Các Cổ đông có tên trong Danh sách chốt ngày 01/04/2022, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, Người được ủy quyền hợp lệ của Cổ đông Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng.

Quý cổ đông về dự họp Đại hội vui lòng mang theo Giấy mời, Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu, Giấy ủy quyền hợp lệ (trong trường hợp ủy quyền).



T. Nguyễn Xuân Bắc





TIBACO

**CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email: Info@tiasangbattery.com

Website: www.tiasangbattery.com

## **GIẤY MỜI**

### **THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Kính gửi: Quý Cổ đông:**

Địa chỉ :

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu :

Cổ phần

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng xin trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty:

**1- Thời gian tổ chức:** từ 08h30', ngày 29 tháng 04 năm 2022

**2- Địa điểm tổ chức :** Hội trường Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng

Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**3- Nội dung:** ( Có Chương trình kèm theo)

**4- Tài liệu Đại hội:** Có Danh mục kèm theo và được gửi cho Quý cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký. Đồng thời Quý cổ đông có thể truy cập website: [www.tiasangbattery.com](http://www.tiasangbattery.com) để nhận tài liệu Đại hội bổ sung từ ngày 07/04/2022.

**5- Đề công tác tổ chức họp Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội bằng việc gửi Giấy xác nhận tham dự / ủy quyền tham dự Đại hội (có mẫu kèm theo) về Ban tổ chức Đại hội chậm nhất vào 15h00' ngày 23/04/2022 thông qua một trong các hình thức sau:**

- Qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Tổ chức lao động - Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

- Qua fax đến số máy: 02253.835876 hoặc qua Email: [info@tiasangbattery.com](mailto:info@tiasangbattery.com)

- Điện thoại: 02253.857810 (hoặc Mr Quang: 0942 248 366)

**6- Các cổ đông về dự Đại hội tự túc phương tiện đi lại và ăn nghỉ.**

**7- Khi tham dự Đại hội quý cổ đông cần mang theo Giấy mời, Giấy Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền hợp lệ (trong trường hợp ủy quyền).**

Rất mong Quý cổ đông đến dự đầy đủ và đúng giờ.

Xin trân trọng cảm ơn./.



Nguyễn Xuân Bắc





CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email: Info@tiasangbattery.com

Website: www.tiasangbattery.com



**GIẤY XÁC NHẬN  
THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng**

- Tên Cổ đông (Tổ chức/cá nhân):
- Số GDKKD/CMND/ Hộ chiếu :
- Địa chỉ:

ngày cấp:

- Điện thoại :
- Tổng số cổ phần sở hữu :

**Cổ phần**

Căn cứ vào Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng, Tôi/ chúng tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội như sau:

1. Trực tiếp tham dự :  (Vui lòng đánh dấu X vào ô)

2. Hoặc:

2.1. Ủy quyền cho Ông/ Bà có tên dưới đây:

- Họ tên : .....
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu : ..... ngày cấp ..... nơi cấp: .....

2.2. Ủy quyền cho một trong những thành viên HĐQT sau:

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Xuân Bắc    | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty   |
| <input type="checkbox"/> Ông Lương Văn Tuyến    | - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty |
| <input type="checkbox"/> Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty |
| <input type="checkbox"/> Ông Ma Thịnh Dương     | - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty |
| <input type="checkbox"/> Ông Ngô Quang Huy      | - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty |

(Vui lòng đánh dấu X vào ô phía trước tên của Thành viên HĐQT mà quý Cổ đông ủy quyền)

**Nội dung ủy quyền:** Được tham dự và thực hiện các quyền của Người được ủy quyền theo Điều lệ Công ty .

**Thời hạn ủy quyền:** Cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

....., Ngày ..... tháng ..... năm 2022

**Người được ủy quyền**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người tham dự/ Người ủy quyền**

(Ký, ghi rõ họ tên,  
đóng dấu nếu cổ đông là tổ chức)

(\* Vui lòng Fax/Email hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự/ ủy quyền về Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Ắc quy Tia Sáng trước ngày 23 /04 / 2022 theo địa chỉ sau:

Phòng Tổ chức lao động - Công ty CP Ắc quy Tia Sáng  
Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, TP. Hải phòng  
Tel: (0225) 3857 810 (Hoặc Mr Quang: 0942 248366)

- Fax: (0225) 3835 876





## CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email: Info@tiasangbattery.com

Website: www.tiasangbattery.com

TIBACO



### CHƯƠNG TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

1. Thời gian: 8h30 – 11h30 ngày 29 tháng 4 năm 2022
2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng  
Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h00 – 8h30	- Tiếp đón cổ đông. Làm thủ tục đăng ký. Kiểm tra tư cách cổ đông
8h30 – 8h45	- Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch; Đoàn Chủ tịch cử Đoàn Thư ký. - Bầu Ban kiểm phiếu.
8h45 - 10h15	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. - Thông qua Chương trình Đại hội. - Trình bày các báo cáo, Tờ trình tại Đại hội: 1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022; 2. Báo cáo tài chính năm 2021 (đã kiểm toán); 3. Tờ trình phương án trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021; 4. Tờ trình tạm ứng cổ tức năm 2022; 5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng năm 2022; 6. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021; 7. Tờ trình lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; 8. Báo cáo mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022; 9. Tờ trình về sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; 10. Tờ trình về các nội dung khác có liên quan.
10h15 – 10h30	Giải lao
10h30 – 11h15	- Đại hội thảo luận và chất vấn - Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h15 – 11h25	- Thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội
11h25 - 11h30	- Bế mạc Đại hội

\* Do tình hình dịch bệnh, đề nghị Quý cổ đông tham dự Đại hội thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế và Công ty cũng không tổ chức ăn trưa sau đại hội.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**





TIBACO

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email: [Info@tiasangbattery.com](mailto:Info@tiasangbattery.com)

Website: [www.tiasangbattery.com](http://www.tiasangbattery.com)



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

**THẺ BIỂU QUYẾT**

Họ và tên Cổ đông: .....

Họ và tên đại diện được ủy quyền: .....

Số ĐKSH/CMND/CCCD: .....

Số cổ phần sở hữu: .....

Số cổ phần ủy quyền: .....

**Tổng số cổ phần biểu quyết:**





TIBACO

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email: [Info@tiasangbattery.com](mailto:Info@tiasangbattery.com)

Website: [www.tiasangbattery.com](http://www.tiasangbattery.com)



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

Họ và tên Cổ đông/Đại diện: .....

Số ĐKSH/CMND/CCCD: .....

Số cổ phần sở hữu: .....

Số cổ phần ủy quyền: .....

Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc ủy quyền: .....

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT**

STT	NỘI DUNG	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tờ trình tạm ứng cổ tức năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Báo cáo mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

\* Ghi chú:

Quý cổ đông đánh dấu "X" vào một trong các ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

Hải phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN**

(Ký ghi rõ họ tên)





TIBACO

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Tel: 0225.3857.080 Fax: 0225.3835.876 Email:Info@tiasangbattery.com

Website: www.tiasangbattery.com



PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT BIỂU

Tên cổ đông (Tổ chức/ cá nhân): .....

Địa chỉ : .....

Số điện thoại liên lạc: .....

Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu/CCCD:..... cấp ngày ..... /...../.....

Nơi cấp .....

Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện: ..... cổ phần .

Nội dung phát biểu:

.....

CỔ ĐÔNG  
(Ký, ghi rõ tên)



**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

**Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông**

1. Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày 01/04/2022 (ngày đăng ký cuối cùng) đều có quyền tham dự Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng;

2. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định;

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;

4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;

5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;

7. Trường hợp Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Đoàn chủ tịch sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

**Điều 2. Đoàn Chủ tịch**

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội cổ đông thông qua;





- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

### 3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

### **Điều 3. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người (01 người làm thư ký và 01 người làm trợ lý thư ký) do Đoàn Chủ tịch giới thiệu; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

#### 2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp (khi cần thiết);
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

### **Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông**

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tín nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình.

#### 2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

### **Điều 5. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 01 Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

#### 3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:





- Kiểm Phiếu biểu quyết khi Đại hội tiến hành biểu quyết
- Điều hành và kiểm phiếu bầu cử khi Đại hội tiến hành bầu cử;
- Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội và nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Báo cáo các kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ứng cử viên vào thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không được làm thành viên của Ban kiểm phiếu.

#### **Điều 6. Thảo luận tại Đại hội**

##### 1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
- Trong quá trình phát biểu, nếu cổ đông có thái độ không chuẩn mực hoặc biểu hiện gây rối. Chủ tọa Đại hội sẽ từ chối tiếp nhận ý kiến hoặc trục xuất khỏi nơi diễn ra Đại hội theo khoản 7, điều 1 của Quy chế này.

##### 2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

#### **Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:**

##### 1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết.
- Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và ủy quyền được biểu quyết của cổ đông.



- Trên Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần có quyền biểu quyết, nội dung xin ý kiến. Cổ đông/đại diện cổ đông đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết tương ứng với các ý kiến là: tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

### 2. Cách thức biểu quyết:

- Đối với **Thẻ biểu quyết**: Thẻ biểu quyết được sử dụng trong trường hợp biểu quyết thông qua bằng hình thức giờ thẻ, bao gồm: Bầu Ban kiểm phiếu, Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình của Đại hội, Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

- Đối với **Phiếu biểu quyết**: Phiếu biểu quyết được sử dụng trong các trường hợp thông qua từng nội dung ghi sẵn trên Phiếu. Các cổ đông cho ý kiến bằng cách điền dấu "X" vào các ô trong phiếu tương ứng với các ý kiến tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Ban Kiểm phiếu sẽ thu phiếu và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

### 3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết và cứ một quyền biểu quyết tương đương 01 (một) Thẻ/ Phiếu biểu quyết.

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- + Tổ chức lại, giải thể công ty;

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

### Điều 8. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TOẠ**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ẮC QUY  
TIA SANG  
H. AN DUONG  
H. PHONG  
S. CTCP

Nguyễn Xuân Bắc



Hải phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

## BÁO CÁO

V/v chi trả thù lao HDQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng

Căn cứ :

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Ắc quy Tia sáng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, mức chi trả thù lao HDQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty năm 2021 như sau:

STT	Chức danh	Số thành viên	Mức thù lao Đồng/ tháng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	04	3.000.000
3	Thành viên Ban Kiểm soát	02	1.000.000
4	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	01	1.500.000

Kết quả tổng chi thù lao HDQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2021 thực hiện như sau :

- Chi thù lao HDQT : 204.000.000 đồng
  - Chi thù lao thành viên BKS : 22.000.000 đồng
  - Chi thù lao Người phụ trách quản trị Công ty  
kiêm Thư ký Công ty: 18.000.000 đồng
- Tổng cộng thù lao đã thực hiện = 244.000.000 đồng**

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét thông qua./.





CÔNG TY  
CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc tạm ứng cổ tức năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

Trân trọng./.

  
Chủ tịch  
Nguyễn Xuân Bắc



Hải phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2021  
(đã kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022  
Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO theo đúng các Chuẩn mực kế toán Việt nam với các chỉ tiêu cơ bản dưới đây :

### I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

	TÀI SẢN	Năm 2020	Năm 2021
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>63.839</b>	<b>69.350</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.468</b>	<b>5.234</b>
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>14.235</b>	<b>12.084</b>
1.	Phải thu khách hàng	18.815	16.727
2.	Trả trước cho người bán	5	22
5.	Phải thu ngắn hạn khác	299	179
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.884)	(4.844)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>47.888</b>	<b>47.888</b>
1.	Hàng tồn kho	48.528	50.698
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(641)	(608)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>248</b>	<b>1.942</b>
1.	Thuế GTGT được khấu trừ	248	1.456
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	486
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>34.017</b>	<b>33.244</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>		<b>95</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>33.879</b>	<b>33.149</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	32.795	29.133
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	-	2.994
3.	Tài sản cố định vô hình	1.084	1.021
<b>III</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>138</b>	<b>0</b>
1.	Chi phí XDCB dở dang	138	0





	<b>CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>97.857</b>	<b>102.594</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>19.190</b>	<b>23.251</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>19.095</b>	<b>21.452</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	3.921	5.514
2.	Người mua trả tiền trước	1.746	417
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	271	21
4.	Phải trả người lao động	4.325	3.759
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	234	235
6.	Phải trả ngắn hạn khác	302	288
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.920	8.868
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.677	1.449
11.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	698	899
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>95</b>	<b>1.799</b>
1.	Phải trả dài hạn khác	95	90
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		1.709
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>78.667</b>	<b>79.343</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>78.667</b>	<b>79.343</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	67.455	67.455
2.	Quỹ đầu tư phát triển	5.757	6.433
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.455	5.455
	<i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trc</i>	946	855
	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	4.508	4.600
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>97.857</b>	<b>102.594</b>





## II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
	1	2	3
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>166.906</b>	<b>182.297</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.275	2.183
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	<b>164.631</b>	<b>180.113</b>
4.	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>135.218</b>	<b>154.606</b>
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV</b>	<b>29.412</b>	<b>25.507</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	401	607
7.	Chi phí tài chính	1010	712
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>936</i>	<i>569</i>
8.	Chi phí bán hàng	13.547	12.605
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.043	7.492
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>5.213</b>	<b>5.305</b>
11.	Thu nhập khác	49	56
12.	Chi phí khác	7	
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>42</b>	<b>56</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.255</b>	<b>5.361</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	747	761
16.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.508</b>	<b>4.600</b>
17.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>668</b>	<b>682</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng !





CÔNG TY  
CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký  
và Người quản trị Công ty năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Ác quy Tia Sáng

Căn cứ :

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần ác quy Tia sáng;
- Xét tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty CP ác quy Tia sáng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao dự kiến năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/ tháng)	Số thành viên
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000	01
2	Thành viên Hội đồng quản trị	3.000.000	04
3	Thành viên ban Kiểm soát	1.000.000	02
4	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	1.500.000	01

Tổng thực chi thù lao của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Người quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2022 sẽ trình tại Đại hội thường niên năm 2023.

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét./

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Chủ tịch  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ÁC QUY  
TIA SÁNG  
H. AN DUONG N. H. PHU  
Nguyễn Xuân Bắc



CÔNG TY  
CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**

- Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng ngày 29/ 4 /2021.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG**  
**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 với các nội dung sau:**

**1.1. Kết quả SXKD năm 2021**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)	
					Với kế hoạch	Với năm 2020
1	Giá trị SXCN theo giá thực tế	Tr.đ	185.000	178.011	96,22	109,84
2	Tổng doanh thu tiêu thụ	Tr.đ	187.000	182.297	97,48	109,22
3	Doanh thu thuần	Tr.đ	185.000	180.113	97,36	109,40
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.210	5.360	127,32	101,99



## 1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	So với thực hiện năm 2021 (%)
1	Giá trị SXCN theo giá thực tế	Tr.đ	184.372	103,57
2	Tổng doanh thu tiêu thụ	Tr.đ	190.600	104,55
3	Doanh thu thuần	Tr.đ	188.000	104,38
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.150	96,08

**Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.

**Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 với các nội dung sau:**

## 3.1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	4.599.994.194
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 chuyển sang	855.044.499
3	<b>Phân chia lợi nhuận năm 2021 (3=3.1+3.2)</b>	<b>4.852.738.259</b>
3.1	Trích lập các quỹ của Công ty, gồm:	1.479.998.259
	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	919.998.839
	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động</i>	459.999.420
	<i>-Quỹ thưởng người quản lý Công ty</i>	100.000.000
3.2	Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5% Vốn điều lệ)	3.372.740.000
4	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại chuyển sang năm sau (4=1+2-3)</b>	<b>602.300.434</b>

3.2. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 5% theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Điều 4. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất trong năm của Công ty.



**Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.

**Điều 6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

**Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022**

Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 03 Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm 2022 theo danh sách dưới đây:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO

**Điều 8. Thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2022 như sau:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 1.000.000 đồng/tháng
- Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty : 1.500.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: Hưởng lương chuyên trách, Bạc 1, thang lương Kế toán trưởng, mức lương: 10.210.200 đồng/tháng và các khoản khác theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty

**Điều 9. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng**

Đại hội nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng.

**Điều 10. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị về nội bộ Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng**

Đại hội nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị về nội bộ Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng.



**Điều 11. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng**

Đại hội nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng.

**Điều 12. Thi hành Nghị quyết**

Đại hội nhất trí ..... % thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Ác quy Tia Sáng có trách nhiệm tổ chức và triển khai các nội dung Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Xuân Bắc**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)





## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Ấc quy Tia sáng thành Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021)
Ông Phạm Văn Thọ	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021)
Ông Lương Văn Tuyến	Thành viên	
Ông Ma Thịnh Dương	Thành viên	
Ông Ngô Quang Huy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Văn Tuyến	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2021)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Quang Huy	Trưởng ban
Bà Vũ Thanh Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Thùy	Thành viên
Bà Vũ Thu Hiền	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 cho Công ty.



## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Lương Văn Tuyên**

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2022



Số: 09/2022/ASCO/BCKT-NV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng được lập ngày 01 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



**Nguyễn Ngọc Tuyền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1629-2018-149-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2022

**Phan Đình Dũng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4887-2019-149-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>69.350.690.428</b>	<b>63.839.504.982</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>5.234.274.613</b>	<b>1.468.038.435</b>
111	1. Tiền		5.234.274.613	1.468.038.435
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.084.497.974</b>	<b>14.235.213.928</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	16.726.742.033	18.814.858.504
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		22.186.686	4.564.410
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	05	179.648.154	299.699.101
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.844.078.899)	(4.883.908.087)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>07</b>	<b>50.089.605.915</b>	<b>47.887.800.443</b>
141	1. Hàng tồn kho		50.698.456.743	48.528.662.073
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(608.850.828)	(640.861.630)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.942.311.926</b>	<b>248.452.176</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.456.051.894	248.452.176
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	486.260.032	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>33.243.982.161</b>	<b>34.017.286.588</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>95.288.657</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	05	95.288.657	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>33.148.693.504</b>	<b>33.879.580.224</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	29.133.409.769	32.795.468.024
222	- Nguyên giá		140.464.561.112	137.782.787.607
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(111.331.151.343)	(104.987.319.583)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	09	2.994.002.335	-
225	- Nguyên giá		2.994.002.335	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.021.281.400	1.084.112.200
228	- Nguyên giá		1.314.154.000	1.314.154.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(292.872.600)	(230.041.800)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>137.706.364</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	137.706.364
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>102.594.672.589</b>	<b>97.856.791.570</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>23.251.584.864</b>	<b>19.190.121.814</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>21.452.067.866</b>	<b>19.094.756.138</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.514.427.498	3.921.402.704
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	417.083.822	1.746.006.104
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	20.870.346	270.585.919
314	4. Phải trả người lao động		3.758.980.749	4.325.131.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		234.914.588	234.434.217
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	288.439.490	301.548.508
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	8.868.725.889	5.919.903.410
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	1.449.354.312	1.677.208.929
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		899.271.172	698.534.947
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.799.516.998</b>	<b>95.365.676</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	90.365.676	95.365.676
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.709.151.322	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>79.343.087.725</b>	<b>78.666.669.756</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>79.343.087.725</b>	<b>78.666.669.756</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		67.454.800.000	67.454.800.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		67.454.800.000	67.454.800.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.433.249.032	5.756.994.695
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.455.038.693	5.454.875.061
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		855.044.499	946.512.813
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.599.994.194	4.508.362.248
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>102.594.672.589</b>	<b>97.856.791.570</b>

Người lập biểu



Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lương Văn Tuyền



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	182.297.057.260	166.905.573.093
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	2.183.601.135	2.274.929.469
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		180.113.456.125	164.630.643.624
11	4. Giá vốn hàng bán	22	154.605.987.184	135.218.428.916
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.507.468.941	29.412.214.708
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	607.019.228	400.939.639
22	7. Chi phí tài chính	24	712.058.090	1.010.245.695
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		569.828.478	936.427.013
25	8. Chi phí bán hàng	25	12.605.168.588	13.546.690.676
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.492.519.730	10.043.014.009
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.304.741.761	5.213.203.967
31	11. Thu nhập khác	27	55.815.391	48.938.181
32	12. Chi phí khác		4.957	7.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		55.810.434	41.938.181
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.360.552.195	5.255.142.148
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	760.558.001	746.779.900
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.599.994.194	4.508.362.248
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	682	668

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lương Văn Tuyền



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước		5.360.552.195	5.255.142.148
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.850.190.091	6.555.082.218
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.605.943.600	7.532.108.218
03	- Các khoản dự phòng		(299.694.607)	(1.909.701.187)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.736.927	(1.610.236)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.624.307)	-
06	- Chi phí lãi vay		569.828.478	936.427.013
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.210.742.286	11.810.224.366
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		578.503.883	16.407.273.408
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.032.088.306)	2.122.050.915
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(590.838.766)	(15.986.613.965)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	195.947.653
14	- Tiền lãi vay đã trả		(566.085.018)	(1.048.920.734)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.022.698.461)	(1.054.519.207)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(250.100.000)	(139.850.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.327.435.618	12.305.592.436
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.875.056.880)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		25.909.091	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.715.216	2.141.590
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.846.432.573)	2.141.590
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		114.903.783.490	113.980.459.944
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(110.184.597.001)	(122.349.126.830)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(60.671.565)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.372.740.000)	(3.372.740.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.285.774.924	(11.741.406.886)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.766.777.969	566.327.140



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.468.038.435	901.790.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(541.791)	(79.685)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>5.234.274.613</u>	<u>1.468.038.435</u>

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lương Văn Tuyển



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Ấc quy Tia sáng thành Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 67.454.800.000 đồng; tương đương 6.745.480 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TSB.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất ắc quy và kinh doanh.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy. Chi tiết: sản xuất, sửa chữa các loại ắc quy;
- Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn nguyên liệu; vật tư sản xuất ắc quy; bán buôn phụ tùng ắc quy.

#### Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 199 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 191 nhân viên).

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Quảng Ninh	Tổ 13, khu 4, phường Hồng Hào, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh thương mại ắc quy
Chi nhánh Thái Nguyên	Số 257 đường Thống Nhất, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Kinh doanh thương mại ắc quy
Chi nhánh Hà Nội	Số 18, ngách 34/238 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh thương mại ắc quy
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 800 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại ắc quy
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 63 đường S11, Tây Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại ắc quy



## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
  - + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.



Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng : Áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại t
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

## **2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.6. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

## **2.7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính**

### ***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

### ***Tài sản cố định vô hình***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	05 năm

### ***Tài sản cố định thuê tài chính***

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
---------------------	-------------



**2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.10. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.15. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**2.16. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.17. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Thu nhập khác**

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm thu từ thanh lý TSCĐ, thu từ bán phế liệu và các khoản thu nhập khác.

**2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Ưu đãi thuế**

Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021, Công ty được miễn giảm 30% số thuế TNDN phải nộp.

**c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2.21. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;



- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	436.790.756	382.227.615
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.797.483.857	1.085.810.820
	<b>5.234.274.613</b>	<b>1.468.038.435</b>

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện - Nhà máy 5	673.364.551	(17.550.069)	2.207.945.770	-
- Aung Phong Pyae Co.,Ltd	1.560.110.821	-	1.301.047.902	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	-	-	1.471.705.400	-
- Các đối tượng khác	14.493.266.661	(4.826.528.831)	13.834.159.432	(4.869.615.720)
	<b>16.726.742.033</b>	<b>(4.844.078.899)</b>	<b>18.814.858.504</b>	<b>(4.869.615.720)</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	<b>90.345.200</b>	<b>-</b>	<b>8.329.200</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	148.394.537	-	265.152.965	-
- Ký cược, ký quỹ	9.000.000	-	9.000.000	-
- Phải thu khác	22.253.617	-	25.546.136	-
	<b>179.648.154</b>	<b>-</b>	<b>299.699.101</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	95.288.657	-	-	-
	<b>95.288.657</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**6. NỢ XẤU**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, chi tiết thời gian quá hạn				
<i>Công ty TNHH Duy Thịnh</i>	838.646.000	-	838.646.000	-
<i>Công ty TNHH DVTM Hồng Hà</i>	482.504.836	-	482.504.836	-
<i>DNTN TM&amp;DV Thiện Ngân</i>	440.000.007	-	440.000.007	-
<i>Cửa hàng ác quy Trường Nhật</i>	399.330.910	-	399.330.910	-
<i>Công ty TNHH Phong Lâm</i>	431.170.879	-	431.170.879	-
<i>Các đối tượng khác</i>	2.330.012.620	77.586.353	2.832.079.988	539.824.533
	<b>4.921.665.252</b>	<b>77.586.353</b>	<b>5.423.732.620</b>	<b>539.824.533</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	15.983.028.519	(217.571.082)	16.448.086.067	(167.233.278)
- Công cụ, dụng cụ	4.468.976.894	-	3.822.101.990	(111.889.554)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.703.618.853	-	21.095.772.119	-
- Thành phẩm	5.617.233.527	(391.279.746)	3.801.600.843	(361.738.798)
- Hàng hóa	182.396.243	-	103.382.212	-
- Hàng gửi bán	2.743.202.707	-	3.257.718.842	-
	<b>50.698.456.743</b>	<b>(608.850.828)</b>	<b>48.528.662.073</b>	<b>(640.861.630)</b>



**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	24.120.117.569	103.485.518.185	4.580.480.512	458.292.264	5.138.379.077	137.782.787.607
- Mua trong năm	-	-	35.000.000	139.290.000	2.706.764.545	2.881.054.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(142.469.000)	-	(56.812.040)	(199.281.040)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.120.117.569</b>	<b>103.485.518.185</b>	<b>4.473.011.512</b>	<b>597.582.264</b>	<b>7.788.331.582</b>	<b>140.464.561.112</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14.785.399.166	80.095.733.835	4.558.662.333	458.292.264	5.089.231.985	104.987.319.583
- Khấu hao trong năm	960.525.038	5.315.162.644	14.797.984	35.696.186	216.930.948	6.543.112.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(142.469.000)	-	(56.812.040)	(199.281.040)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.745.924.204</b>	<b>85.410.896.479</b>	<b>4.430.991.317</b>	<b>493.988.450</b>	<b>5.249.350.893</b>	<b>111.331.151.343</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	9.334.718.403	23.389.784.350	21.818.179	-	49.147.092	32.795.468.024
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.374.193.365</b>	<b>18.074.621.706</b>	<b>42.020.195</b>	<b>103.593.814</b>	<b>2.538.980.689</b>	<b>29.133.409.769</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 20.039.185.530 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.888.987.662 VND.



**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị với nguyên giá là 2.994.002.335 VND. Tài sản được đưa vào sử dụng từ ngày 31/12/2021 nên chưa được trích khấu hao.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.000.000.000	314.154.000	1.314.154.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>314.154.000</b>	<b>1.314.154.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	230.041.800	230.041.800
- Khấu hao trong năm	-	62.830.800	62.830.800
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>292.872.600</b>	<b>292.872.600</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.000.000.000	84.112.200	1.084.112.200
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>21.281.400</b>	<b>1.021.281.400</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài theo GCN quyền sử dụng đất số BE 572895 ngày 10/08/2011, với diện tích 200,8 m2 tại lô đất số 800 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH KA E IOU	441.351.177	441.351.177	1.549.788.809	1.549.788.809
- Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Vân Long CDC	1.617.873.528	1.617.873.528	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nguồn điện Ri jie	615.436.800	615.436.800	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.839.765.993	2.839.765.993	2.371.613.895	2.371.613.895
	<b>5.514.427.498</b>	<b>5.514.427.498</b>	<b>3.921.402.704</b>	<b>3.921.402.704</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	<b>2.145.000</b>	<b>2.145.000</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Drivol For Trading in Hadhramout	-	1.728.740.779
- Công ty TNHH GD Chính Mạnh	239.442.680	-
- Công ty Cổ phần NHK Toàn Cầu	159.720.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	17.921.142	17.265.325
	<b>417.083.822</b>	<b>1.746.006.104</b>



**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	6.849.058.803	6.849.058.803	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	97.640.186	97.640.186	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	81.579.428	760.558.001	1.022.698.461	180.561.032	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	36.366.941	202.493.905	217.990.500	-	20.870.346
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	152.639.550	586.983.232	1.045.321.782	305.699.000	-
- Các loại thuế khác	-	-	16.444.000	16.444.000	-	-
	-	<b>270.585.919</b>	<b>8.513.178.127</b>	<b>9.249.153.732</b>	<b>486.260.032</b>	<b>20.870.346</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	14.090.292	5.785.932
- Chi phí tiền điện	198.324.296	194.558.285
- Các khoản trích trước khác	22.500.000	34.090.000
	<b>234.914.588</b>	<b>234.434.217</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	123.270.873	42.577.513
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.168.617	258.970.995
<i>Quỹ An sinh xã hội</i>	<i>50.112.471</i>	<i>49.830.571</i>
<i>Quỹ quốc phòng địa phương, quỹ từ thiện</i>	<i>33.652.038</i>	<i>33.652.038</i>
<i>Lãi vay phải trả</i>	<i>39.890.000</i>	<i>44.450.900</i>
<i>Phải trả trợ cấp người lao động</i>	<i>41.172.000</i>	<i>113.203.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>342.108</i>	<i>17.834.486</i>
	<b>288.439.490</b>	<b>301.548.508</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.365.676	95.365.676
	<b>90.365.676</b>	<b>95.365.676</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn VND	4.142.748.900	4.142.748.900	51.584.160.548	50.955.987.748	4.770.921.700	4.770.921.700
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (1)	1.320.000.000	1.320.000.000	19.394.819.632	18.414.819.632	2.300.000.000	2.300.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (2)	-	-	30.962.295.216	30.962.295.216	-	-
+ Bà Lê Thị Loan (3)	755.950.300	755.950.300	331.958.100	780.708.400	307.200.000	307.200.000
+ Nguyễn Thị Dung (3)	650.000.000	650.000.000	34.286.400	-	684.286.400	684.286.400
+ Phạm Văn Đoàn (3)	461.363.200	461.363.200	244.013.200	368.000.000	337.376.400	337.376.400
+ Nguyễn Thị Vân (3)	228.550.400	228.550.400	363.713.600	242.264.000	350.000.000	350.000.000
+ Nguyễn Thị Thu (3)	337.600.000	337.600.000	213.023.200	174.860.000	375.763.200	375.763.200
+ Nguyễn Ngọc Lý (3)	172.224.000	172.224.000	11.748.000	-	183.972.000	183.972.000
+ Các đối tượng khác (3)	217.061.000	217.061.000	28.303.200	13.040.500	232.323.700	232.323.700
Vay ngắn hạn USD	1.777.154.510	1.777.154.510	60.870.692.107	59.321.250.376	3.326.596.241	3.326.596.241
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (1)	-	-	26.043.700.362	24.662.191.651	1.381.508.711	1.381.508.711
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (2)	1.777.154.510	1.777.154.510	34.826.991.745	34.659.058.725	1.945.087.530	1.945.087.530
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	771.207.948	-	771.207.948	771.207.948
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội (4)	-	-	771.207.948	-	771.207.948	771.207.948
	<b>5.919.903.410</b>	<b>5.919.903.410</b>	<b>113.226.060.603</b>	<b>110.277.238.124</b>	<b>8.868.725.889</b>	<b>8.868.725.889</b>



**Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng**

Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	2.541.030.835	60.671.565	2.480.359.270	2.480.359.270
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội (4)</i>	-	-	2.541.030.835	60.671.565	2.480.359.270	2.480.359.270
<b>Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>	-	-	2.541.030.835	60.671.565	2.480.359.270	2.480.359.270
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	-	-	(771.207.948)	-	(771.207.948)	(771.207.948)
	-	-			1.709.151.322	1.709.151.322

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/5131017/HĐTĐ ngày 23/12/2021 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND gồm tiền VND và ngoại tệ quy đổi;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

+ Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức đến ngày 30/08/2022;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi, quy định tại từng giấy nhận nợ tại thời điểm vay;

+ Phương thức bảo đảm:

\* Đối với hạn mức cho vay: Thế chấp/cầm cố tài sản của bên thứ ba và/hoặc đáp ứng tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu theo chính sách cấp tín dụng của BIDV nhưng không thấp hơn 20%;

\* Đối với hạn mức bảo lãnh: Ký quỹ và/hoặc thế chấp tài sản của bên thứ 3 và/hoặc đáp ứng tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu theo chính sách của BIDV nhưng không thấp hơn 8%;

+ Số dư nợ gốc theo nguyên tệ tại thời điểm 31/12/2021 là 2.300.000.000 VND và 60.170,24 USD.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT164- AC QUY TIA SANG ngày 25.08.2021 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

+ Thời hạn cấp hạn mức: đến 25/08/2022;

- + Lãi suất cho vay: Thả nổi, quy định tại từng giấy nhận nợ tại thời điểm vay;
- + Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng tài sản được quy định trong các hợp đồng thế chấp ký ngày 16/8/2012, 14/4/2010, 10/7/2009, hợp đồng thế chấp động sản số 01/2015-MMTB-AQTS ký ngày 31/3/2015, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-HH-AQTS ký ngày 31/3/2015, hợp đồng thế chấp động sản số 35/2016-HĐTC/NHCT164-AQTS ký ngày 26/4/2016;
- + Số dư nợ gốc theo nguyên tệ tại thời điểm 31/12/2021 là 84.477,20 USD tương đương 1.945.087.530 VND.
- (3) Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 4,32%/năm đến 7,2%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này đều không có tài sản bảo đảm.
- (4) Thuế tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội
  - Hợp đồng Cho thuê tài chính số 21721000305/HĐCTTC ngày 20/10/2021 với các điều khoản như sau:
    - + Tài sản thuê: Máy cắt lá cực tự động (Mới 100%), Model: PCM-0223219, xuất xứ: Trung Quốc, Năm sản xuất 2021;
    - + Giá trị hợp đồng thuê: 769.038.336 VND;
    - + Thời hạn thanh toán: 5 năm;
    - + Lãi suất thuê: 7,5%/năm trong 6 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ, sau đó lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng biên độ và được điều chỉnh 3 tháng một lần;
    - + Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2021 là 752.045.696 VND, trong đó số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 233.874.216 VND.
  - Hợp đồng Cho thuê tài chính số 21721000311/HĐCTTC ngày 25/10/2021 với các điều khoản như sau:
    - + Tài sản thuê: Máy phóng/nap ác quy loại có thanh cái (Mới 100%), Model: UC3000GHA6A/400V 40 nhánh buồng với công nghệ biến tần, xuất xứ: Trung Quốc, Năm sản xuất 2021;
    - + Giá trị hợp đồng thuê: 1433.535.523 VND;
    - + Thời hạn thanh toán: 5 năm;
    - + Lãi suất thuê: 7,5%/năm trong 6 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ, sau đó lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng biên độ và được điều chỉnh 3 tháng một lần;
    - + Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2021 là 1.397.335.130 VND, trong đó số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 434.404.716 VND.
  - Hợp đồng Cho thuê tài chính số 21721000312/HĐCTTC ngày 25/10/2021 với các điều khoản như sau:
    - + Tài sản thuê: Máy gắn nắp phụ ác quy tự động (Mới 100%), Model: BP-XD-XGRF900, xuất xứ: Trung Quốc, Năm sản xuất 2021;
    - + Giá trị hợp đồng thuê: 338.456.976 VND;
    - + Thời hạn thanh toán: 5 năm
    - + Lãi suất thuê: 7,5%/năm trong 6 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ, sau đó lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng biên độ và được điều chỉnh 3 tháng một lần;
    - + Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2021 là 330.978.444 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 102.929.016 VND.



**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	- 1.449.354.312	1.677.208.929
	<b>1.449.354.312</b>	<b>1.677.208.929</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>67.454.800.000</b>	<b>5.300.767.995</b>	<b>5.311.706.213</b>	<b>78.067.274.208</b>
Lãi trong năm trước	-	-	4.508.362.248	4.508.362.248
Trích lập các Quỹ từ lợi nhuận	-	456.226.700	-	456.226.700
Trích lập các Quỹ từ lợi nhuận	-	-	(912.453.400)	(912.453.400)
Chia cổ tức	-	-	(3.372.740.000)	(3.372.740.000)
Thưởng viên chức quản lý	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>67.454.800.000</b>	<b>5.756.994.695</b>	<b>5.454.875.061</b>	<b>78.666.669.756</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>67.454.800.000</b>	<b>5.756.994.695</b>	<b>5.454.875.061</b>	<b>78.666.669.756</b>
Lãi trong năm nay	-	-	4.599.994.194	4.599.994.194
Trích lập các Quỹ từ lợi nhuận (i)	-	676.254.337	-	676.254.337
Trích lập các Quỹ từ lợi nhuận (i)	-	-	(1.127.090.562)	(1.127.090.562)
Chia cổ tức (i)	-	-	(3.372.740.000)	(3.372.740.000)
Thưởng viên chức quản lý (i)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>67.454.800.000</b>	<b>6.433.249.032</b>	<b>5.455.038.693</b>	<b>79.343.087.725</b>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	4.508.362.248
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	676.254.337
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	450.836.225
Trích Quỹ thưởng người quản lý	100.000.000
Chi trả cổ tức	3.372.740.000

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	34.402.520.000	51,00%	34.402.520.000	51,00%
Cổ đông khác	33.052.280.000	49,00%	33.052.280.000	49,00%
	<b>67.454.800.000</b>	<b>100%</b>	<b>67.454.800.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	67.454.800.000	67.454.800.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	67.454.800.000	67.454.800.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.745.480	6.745.480
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.745.480	6.745.480
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.745.480	6.745.480
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6.433.249.032	5.756.994.695
	<b>6.433.249.032</b>	<b>5.756.994.695</b>

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/12/1994 đến ngày 01/12/2044 với diện tích khu đất thuê là 34.894 m<sup>2</sup> và tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng để sử dụng vào mục đích xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043 với diện tích 106 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ	USD	8.014,96	1.806,80

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	182.297.057.260	166.905.573.093
	<b>182.297.057.260</b>	<b>166.905.573.093</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan ( <i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33</i> )	98.163.980	82.769.100



**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	2.124.951.015	2.257.152.449
- Hàng bán bị trả lại	58.650.120	17.777.020
	<b>2.183.601.135</b>	<b>2.274.929.469</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	154.394.758.469	135.678.254.839
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	211.228.715	(459.825.923)
	<b>154.605.987.184</b>	<b>135.218.428.916</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.715.216	2.141.590
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	604.304.012	397.187.813
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.610.236
	<b>607.019.228</b>	<b>400.939.639</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	569.828.478	936.427.013
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	139.492.685	73.818.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.736.927	-
	<b>712.058.090</b>	<b>1.010.245.695</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.695.267	276.767.583
Chi phí nhân công	2.602.502.788	2.601.281.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.747.780	123.747.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.985.897.465	3.403.797.229
Chi phí khác bằng tiền	4.212.113.831	4.942.946.038
Chi phí dự phòng	1.309.211.457	2.198.150.415
	<b>12.605.168.588</b>	<b>13.546.690.676</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.805.356	184.013.389
Chi phí nhân công	5.047.289.046	6.059.765.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	434.692.262	476.412.754
Thuế, phí, và lệ phí	610.795.946	1.035.531.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	721.903.450	1.084.963.001
Chi phí khác bằng tiền	578.033.670	1.202.327.619
	<b>7.492.519.730</b>	<b>10.043.014.009</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	25.909.091	-
Thu nhập từ bán phế liệu	22.546.300	35.762.999
Thu nhập khác	7.360.000	13.175.182
	<b>55.815.391</b>	<b>48.938.181</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.360.552.195	5.255.142.148
Các khoản điều chỉnh tăng	72.004.957	79.000.000
- Các khoản phạt	4.957	7.000.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	72.000.000	72.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.432.557.152	5.334.142.148
Thuế TNDN được giảm theo NĐ 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	-	(320.048.530)
Thuế TNDN được giảm theo NĐ 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	(325.953.429)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>760.558.001</b>	<b>746.779.900</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	81.578.428	389.317.735
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.022.698.461)	(1.054.519.207)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(180.562.032)</b>	<b>81.578.428</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.599.994.194	4.508.362.248
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.599.994.194	4.508.362.248
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.745.480	6.745.480
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>682</b>	<b>668</b>



Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc chia cổ tức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.729.335.150	109.575.846.982
Chi phí nhân công	22.011.269.064	19.203.711.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.605.943.600	7.532.108.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.603.008.964	10.447.664.638
Chi phí khác bằng tiền	6.755.453.755	7.591.246.300
	<b>176.705.010.533</b>	<b>154.350.577.801</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.234.274.613	-	1.468.038.435	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.001.678.844	(4.844.078.899)	19.114.557.605	(4.883.908.087)
	<b>22.235.953.457</b>	<b>(4.844.078.899)</b>	<b>20.582.596.040</b>	<b>(4.883.908.087)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	10.577.877.211	5.919.903.410
Phải trả người bán, phải trả khác	5.893.232.664	4.318.316.888
Chi phí phải trả	234.914.588	234.434.217
	<b>16.706.024.463</b>	<b>10.472.654.515</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.234.274.613	-	-	5.234.274.613
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.062.311.288	95.288.657	-	12.157.599.945
	<b>17.296.585.901</b>	<b>95.288.657</b>	<b>-</b>	<b>17.391.874.558</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.468.038.435	-	-	1.468.038.435
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.230.649.518	-	-	14.230.649.518
	<b>15.698.687.953</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.698.687.953</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	8.868.725.889	1.709.151.322	-	10.577.877.211
Phải trả người bán, phải trả khác	5.802.866.988	90.365.676	-	5.893.232.664
Chi phí phải trả	234.914.588	-	-	234.914.588
	<b>14.906.507.465</b>	<b>1.799.516.998</b>	<b>-</b>	<b>16.706.024.463</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	5.919.903.410	-	-	5.919.903.410
Phải trả người bán, phải trả khác	4.222.951.212	95.365.676	-	4.318.316.888
Chi phí phải trả	234.434.217	-	-	234.434.217
	<b>10.377.288.839</b>	<b>95.365.676</b>	<b>-</b>	<b>10.472.654.515</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
CN Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - XN Kỹ nghệ que hàn Hải Phòng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty con cùng tập đoàn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>98.163.980</b>	<b>82.769.100</b>
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	38.323.980	53.240.000
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	5.789.100
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	59.840.000	23.740.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>90.345.200</b>	<b>8.329.200</b>
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	24.521.200	8.329.200
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	65.824.000	-

<b>Phải trả cho người bán</b>	-	<b>2.145.000</b>
CN Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - XN Kỹ nghệ que hàn Hải Phòng	-	2.145.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Thù lao và tiền lương của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:</b>			
Phạm Văn Thọ	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2021)	20.000.000	60.000.000
Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2021)	40.000.000	-
Ngô Quang Huy	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ma Thịnh Dương	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Trần Quang Huy	Trưởng BKS	176.380.279	162.064.195
Vũ Thanh Thủy	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Trần Thị Thùy	Thành viên BKS	2.000.000	12.000.000
Vũ Thu Hiền	Thành viên BKS	8.000.000	-
Lương Văn Tuyên	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	416.622.899	410.879.609
Người quản lý khác		530.399.826	480.906.323

#### 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Bùi Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà



Lương Văn Tuyên